

## **ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CÂY THUỐC CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THÁI Ở XÃ XUÂN THÁI VÀ BÌNH LƯƠNG THUỘC VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA BẾN EN, TỈNH THANH HÓA**

**Đoàn Văn Tác<sup>1</sup>, Trần Minh Hợi<sup>2,3</sup>**

<sup>1</sup>*Trường THPT Hậu Lộc 1*

<sup>2</sup>*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

<sup>3</sup>*Học viện Khoa học và Công nghệ,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Vườn Quốc gia Bến En được thành lập theo Quyết định số 33 ngày 27 tháng 1 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Nay là Thủ tướng Chính phủ); quy mô diện tích: 16.634 ha; vùng đệm: 31.172 ha.

Hiện nay, diện tích của 2 xã Bình Lương và Xuân Thái (1.295 ha) nằm trong VQG Bến En đã được chuyển thành vùng đệm chuyên giao cho UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý theo Công văn số 99/CP-NN của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/01/2002. Sau khi chuyển giao, diện tích VQG Bến En còn lại 15.339 ha; diện tích vùng đệm tăng lên 31.054 ha. VQG Bến En có hệ thống vùng đệm nằm trên địa bàn 11 xã thuộc 2 huyện Như Thanh và Như Xuân với số dân 16.000 người bao gồm 4 dân tộc: Mường, Thái, Kinh, Thổ (Võ Quế, 2009).

Từ sau khi được thành lập, tại VQG Bến En cũng đã có một số công trình nghiên cứu trong các lĩnh vực khác nhau. Các hoạt động chủ yếu tập trung vào xây dựng và bảo tồn nguồn tài nguyên sinh vật. Tuy nhiên, sự tồn tại và giá trị sử dụng của nguồn tài nguyên cây thuốc còn chưa được khám phá hết, trong đó có các cây thuốc tại 2 xã Xuân Thái và xã Bình Lương. Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu đa dạng thành phần loài cây thuốc tại 2 xã Xuân Thái và Bình Lương thuộc vùng đệm Vườn Quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa”.

### **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

1. Tiến hành thu thập số liệu từ các nguồn thông tin đáng tin cậy như các báo cáo khoa học của VQG, kỷ yếu, tạp chí khoa học, internet,....
2. Điều tra thực địa cây thuốc theo tuyến và ô tiêu chuẩn
3. Sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) theo Nguyễn Bá Ngãi (1999): Phỏng vấn các ông Lang, bà Mế, các cán bộ làm công tác quản lý tại VQG và cộng đồng dân cư địa phương thông qua các bảng câu hỏi đã được xây dựng sẵn.
4. Xây dựng danh lục cây thuốc tham khảo các tài liệu của Nguyễn Tiến Bản (2003, 2005),...
5. Phương pháp chuyên gia: Xác định tên khoa học nhờ các chuyên gia phân loại thực vật.
6. Phương pháp thu mẫu và xử lý mẫu vật theo “Các phương pháp nghiên cứu thực vật” của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007).
7. Phương pháp đánh giá tính đa dạng tài nguyên cây thuốc theo Nguyễn Nghĩa Thìn (1997).

### **II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

#### **Đánh giá tính đa dạng về thành phần loài cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương**

### 1. Thống kê các loài cây thuốc tại 2 xã Xuân Thái và Bình Lương

Qua quá trình điều tra, đã thu thập được trên 600 bộ mẫu cây thuốc. Những mẫu cây thuốc đã được thu thập, xử lý, trình bày, xác định tên khoa học và tổng hợp.

Tổng số loài đã thống kê được là 434 loài, thuộc 324 chi, 124 họ trong 2 ngành thực vật bậc cao có mạch (Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)):- Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 7 loài, thuộc 6 chi, 5 họ; - Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 427 loài, thuộc 318 chi, 119 họ.

### 2. Đa dạng về các bậc taxon (Ngành, Họ, Chi, Loài) của các loài cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương.

#### a. Đa dạng ở mức độ ngành

Đã thống kê được các loài cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương gồm 434 loài, thuộc 324 chi, 124 họ trong 2 ngành thực vật bậc cao có mạch. Sự phân bố của các taxon là không đồng đều trong các ngành. Kết quả được tổng hợp trong bảng 1.

Bảng 1

**Sự phân bố các taxon trong các ngành của các loài cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương**

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	SI	Tỷ lệ (%)	SI	Tỷ lệ (%)	SI	Tỷ lệ (%)
1. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	5	4,04	6	1,82	7	1,60
2. Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	119	95,96	318	98,18	427	98,40
Tổng	124	100	324	100	434	100

Theo bảng 1, sự phân bố các taxon trong các ngành thực vật là khá chênh lệch. Trong đó, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng lớn nhất với số lượng loài là 427, chiếm 98,40%; số chi là 318, chiếm 98,18% và số họ là 119, chiếm tới 95,96% tổng số họ của toàn hệ thực vật. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có số loài là 7, chiếm 1,60% tổng số loài thực vật của cả hệ; 6 chi, chiếm 1,82% tổng số chi thực vật của cả hệ; 5 họ, chiếm 4,04% tổng số họ thực vật của cả hệ.

Để thấy rõ sự đa dạng của các taxon cây thuốc, tiến hành phân tích sâu hơn về ngành Ngọc lan – ngành đa dạng nhất trong giới thực vật. Trong ngành có 2 lớp: Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) và lớp Hành (Liliopsida), kết quả thu được ở bảng 2.

Bảng 2

**Sự phân bố 2 lớp trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)**

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	SI	Tỷ lệ (%)	SI	Tỷ lệ (%)	SI	Tỷ lệ (%)
Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	96	81,36	283	87,34	383	88,25
Lớp Hành (Liliopsida)	23	18,64	35	12,66	44	11,75
Tổng	119	100	318	100	427	100

Qua bảng 2 ta thấy lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm phần lớn trong ngành với số loài là 383 - chiếm 88,25% của toàn ngành, số chi 283 - chiếm 87,34% và số họ là 96 - chiếm 81,36%

của ngành Ngọc lan. Ở lớp này có nhiều loài có giá trị cao như: Ba gác vòng (*Rauwolfia verticillata*), Đấng chân chim (*Schefflera heptaphylla*), Biên hóa (*Asarum caudigerum*), Mộc hương (*Aristolochia sp.*), Ích mẫu (*Leonurus japonicus*), Kim ngân (*Lonicera dasystyla*).

Bên cạnh đó, ở lớp Hành (Liliopsida) chiếm tỷ trọng thấp hơn hẳn, số loài chỉ là 44 - chiếm 11,75%, số chi 35 - chiếm 12,66% và số họ là 23 - chiếm 18,64% của ngành Ngọc lan. Tuy vậy, có nhiều loài mang lại kết quả tốt trong việc chữa trị bệnh, cụ thể như: Gừng (*Zingiber officinalis*), Sâm đại hành (*Eleutherine bullbosa*), Mía dò (*Costus tonkinensis* và *C. speciosus*),...

*b. Sự đa dạng ở mức độ họ*

Để thấy tính đa dạng số lượng loài cây thuốc trong các họ, số liệu được thể hiện ở bảng 3 cho thấy 10 họ đa dạng nhất.

Bảng 3

**Sự phân bố số lượng các loài và chi trong 10 họ cây thuốc đa dạng nhất**

TT	Tên họ		Loài		Chi	
	Tên khoa học	Tên VN	Sl	Tỷ lệ (%)	Sl	Tỷ lệ (%)
	Asteraceae	Họ Cúc	35	8,06	24	7,41
	Fabaceae	Họ Đậu	33	7,60	22	6,79
	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu	24	5,52	16	4,94
	Moraceae	Họ Dâu tằm	19	4,38	7	2,16
	Rubiaceae	Họ Cà phê	15	3,46	10	3,08
	Poaceae	Họ Hòa thảo	9	2,07	9	2,78
	Lamiaceae	Họ Hoa môi	8	1,84	7	2,16
	Amaranthaceae	Họ Rau dền	7	1,61	6	1,85
	Myrtaceae	Họ Sim	7	1,61	6	1,85
	Menispermaceae	Họ Tiết dê	7	1,61	5	1,54
	10 họ đa dạng nhất (8,06% số họ)		135	37,76	142	34,56

Qua bảng 3 cho thấy 10 họ đa dạng nhất chiếm 8,06% số họ nhưng có 135 loài, chiếm 37,76% và 142 chi, chiếm 34,56%.

Trong 10 họ đa dạng nhất, có thể kể đến: họ Cúc (Asteraceae) – 35 loài; họ Đậu (Fabaceae) – 33 loài; họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) – 24 loài; họ Dâu tằm (Moraceae) - 19 loài; họ Cà phê (Rubiaceae) – 15 loài; họ Hòa thảo (Poaceae) – 9 loài; họ Hoa môi (Lamiaceae) – 8 loài; các họ Rau dền (Amaranthaceae), họ Sim (Myrtaceae) và họ Tiết dê (Menispermaceae) cùng có 7 loài.

*c. Sự đa dạng ở mức độ chi*

Để thấy rõ mức độ đa dạng ở bậc chi, đã thống kê số chi có nhiều loài cây thuốc nhất (3 loài trở lên) tại hai xã Xuân Thái và Bình Lương. Kết quả được chỉ ra ở bảng 4.

Bảng 4

**Thống kê các chi có nhiều loài cây thuốc nhất tại địa điểm nghiên cứu**

STT	Tên chi	Số loài
1.	<i>Ficus</i>	12
2.	<i>Desmodium</i>	8

3.	<i>Blumea</i>	6
4.	<i>Ardisia</i>	4
5.	<i>Vernonia</i>	4
6.	<i>Ipomoea</i>	3
7.	<i>Mallotus</i>	3
8.	<i>Crotalaria</i>	3
9.	<i>Cratoxylum</i>	3
10.	<i>Stephania</i>	3
	<b>10 chi, chiếm 3,08% tổng số chi</b>	<b>49</b>

Từ kết quả trên cho thấy, chi có nhiều loài nhất là chi *Ficus* với 12 loài; tiếp đến là chi *Desmodium* với 8 loài; chi *Blumea* với 6 loài; chi *Ardisia* và chi *Vernonia* cùng có 4 loài; các chi có 3 loài như *Ipomoea*, *Mallotus*, *Crotalaria*, *Cratoxylum*. Vậy chỉ với 10 chi (chiếm 3,08% tổng số chi) đã có tới 49 loài (chiếm 15,13% tổng số loài).

### 3. Các loài cây thuốc quý hiếm cần được bảo vệ

Trong số 434 loài cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương, vùng đệm VQG Bến En, đã thống kê được có tất cả 11 loài (chiếm 2,53% tổng số loài của toàn hệ,) thuộc diện bị đe dọa cần phải bảo vệ (Bảng 5). Đây là nguồn gen quý hiếm, cần có biện pháp bảo tồn nghiêm ngặt.

Bảng 5

#### Các loài cây thuốc quý hiếm, đang bị đe dọa tại Xuân Thái và Bình Lương, vùng đệm VQG Bến En

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	SDVN 2007	DLĐCT VN 2006	IUCN 2017	NĐ 32/2006
1	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem. ex Schum. var. <i>kerrii</i> Sprague	Thiết đỉnh	VU	VU		IIA
2	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f. & Thoms.	Đẳng sâm	VU	VU		IIA
3	<i>Stephania brachyandra</i> Diels	Bình vôi nhị ngắn	EN	EN		IIA
4	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau sắng	VU	VU		
5	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H. J. Lam	Sên mật	EN	EN	VU	
6	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trâm hương	EN	EN	CR	
7	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh cách	VU	VU		
8	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Voss	Ngũ gia bì gai	EN	EN		
9	<i>Tacca integrifolia</i> Ker.-Gawl.	Ngải rơm	VU	VU		
10	<i>Paris polyphylla</i> Smith	Trọng lâu nhiều lá	EN	EN		
11	<i>Asarum caudigerum</i> Hance	Thỏ té tân	VU			IIA

**Chú thích:** - SDVN 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần II-Thực vật (2007); - DLĐCTVN 2006: Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (Nguyễn Tập, 2006); - IUCN 2017: Danh lục Đỏ các loài bị đe dọa của IUCN 2017

(<http://www.iucnredlist.org/search>): CR- Rất nguy cấp; EN- Nguy cấp; VU- Sẽ nguy cấp; - Nghị định 32/2006/NĐ-CP: IIA- Thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

### Cụ thể:

◆ Các loài có nguy cơ bị đe dọa theo Sách Đỏ Việt Nam (2007): 5 loài ở mức Nguy cấp (EN) và 6 loài ở mức Sẽ nguy cấp (VU).

◆ Theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (Nguyễn Tập, 2006) thì nguồn tài nguyên cây làm thuốc tại hai xã Xuân Thái và Bình Lương có tổng số 10 loài được ghi nhận trong DLĐCTVN 2006, chiếm 83,33% tổng số loài và chiếm 8,63% (12/139 loài) tổng số loài thực vật trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam. Trong số 10 loài cây bị đe dọa theo Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (Nguyễn Tập, 2006) thì có 5 loài hiếm đang ở mức Nguy cấp (EN) là Bình vôi nhị ngắn (*Stephania brachyandra*), Ngũ gia bì gai (*Acanthopanax trifoliatum*), Sên mật (*Madhuca pasquieri*), Trầm hương (*Aquilaria crassna*), Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla*) và 5 loài quý, hiếm trong tình trạng Sẽ nguy cấp (VU); Thiết đỉnh (*Markhamia stipulata*), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica*), Rau sắng (*Melientha suavis*), Hoàng tinh cách (*Disporopsis longifolia*), Ngải rơm (*Tacca integrifolia*).

◆ Các loài có nguy cơ bị đe dọa theo Danh lục Đỏ IUCN (2017) là Trầm hương - *Aquilaria crassna* và Sên mật - *Madhuca pasquieri* lần lượt được xếp ở mức Rất nguy cấp (CR) và Sẽ nguy cấp (VU).

◆ Các loài nằm trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP: 4 loài thuộc nhóm IIA - Thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại là Thiết đỉnh (*Markhamia stipulata*), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica*), Bình vôi nhị ngắn (*Stephania brachyandra*) và Thổ tế tân (*Asarum caudigerum*).

Tổng hợp lại, tài nguyên cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương có 11 loài cây bị đe dọa, trong đó cả 11 loài đều được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 10 loài trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (Nguyễn Tập, 2006), 2 loài thuộc Danh lục Đỏ các loài bị đe dọa của IUCN (2017) và 4 loài thuộc nhóm IIA của Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

### III. KẾT LUẬN

1. Đã ghi nhận được tổng số các loài cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương là 434 loài, 324 chi, thuộc 124 họ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch, chiếm 7,56% tổng số loài cây được dùng làm thuốc ở Việt Nam. Trong đó có 12 loài thuộc diện loài quý hiếm cần phải được bảo tồn.

2. Các taxon bậc họ, chi, loài thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là đa dạng nhất với 119 họ, 318 chi và 427 loài (tập trung chủ yếu vào lớp Ngọc lan).

3. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là họ Cúc (Asteraceae) – 35 loài; họ Đậu (Fabaceae) – 33 loài; họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) – 24 loài; họ Dâu tằm (Moraceae) - 19 loài; họ Cà phê (Rubiaceae) – 15 loài; họ Hòa thảo (Poaceae) – 9 loài; họ Hoa môi (Lamiaceae) – 8 loài; các họ Rau dền (Amaranthaceae), họ Sim (Myrtaceae) và họ Tiết dê (Menispermaceae) cùng có 7 loài.

4. Trong số 434 loài cây thuốc tại Xuân Thái và Bình Lương, vùng đệm VQG Bến En, đã thống kê được có tất cả 11 loài bị đe dọa, thuộc diện cần phải bảo vệ (chiếm 2,53% tổng số loài của toàn hệ). Các loài cần ưu tiên bảo tồn trong giai đoạn tới là Trầm hương (*Aquilaria crassna*), Sên mật (*Madhuca pasquieri*), Bình vôi nhị ngắn (*Stephania brachyandra*), Ngũ gia bì gai (*Acanthopanax trifoliatum*), Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla*), Thiết đỉnh (*Markhamia*

*stipulata*), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica*), Thổ tế tân (*Asarum caudigerum*), Rau sắng (*Melientha suavis*), Hoàng tinh cách (*Disporopsis longifolia*) và Ngải rọm (*Tacca integrifolia*).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam**, 2006. Nghị định số 32/ 2006/ NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
2. **Nguyễn Bá Ngãi**, 1999. *Phương pháp đánh giá nông thôn*, Bài giảng chuyên đề Lâm nghiệp xã hội, Trường Đại học Lâm nghiệp, Hà Tây.
3. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997: *Cẩm nang nghiên cứu Đa dạng sinh vật*, Nxb. Nông nghiệp, Hà nội.
4. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007: *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. **Nguyễn Tập**, 2006. Danh lục Đò cây thuốc Việt Nam, *Tạp chí Dược liệu*, tập 11, số 3, trang 97-105.
6. **Nguyễn Tiến Bản** (Chủ biên), 2003, 2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập 2, tập 3. Nxb. Nông nghiệp.
7. **Bộ Khoa học và Công nghệ & Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam, Phần II-Thực vật*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
8. **Võ Quế**, 2009. Báo cáo Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái VQG Bến En-Thanh Hóa, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
9. **Võ Văn Chi**, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, tập 1, tập 2. NXB. Y học, Hà Nội.
10. **IUCN**, 2017. The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2017-1 ([www.iucnredlist.org](http://www.iucnredlist.org))

#### DIVERSITY OF MEDICINAL PLANT SPECIES OF THAI MINORITY IN XUAN THAI AND BINH LUONG COMUNES OF THE BUFFER-ZONE OF BEN EN NATIONAL PARK, THANH HOA PROVINCE

**Doan Van Tac, Tran Minh Hoi**

#### SUMMARY

The total of medicinal plants in Xuan Thai and Binh Luong communes are identified with 434 species, 324 genera, 124 families belonging to 2 high vascular plant divisions, occupying 7.56% of the total of medicinal plants in Vietnam. The taxa in family, in genus and in species of Magnoliophyta are the most diverse with 119 families, 318 genera and 427 species and focused essentially on Magnoliopsida. Families with the largest number of species are Asteraceae (35 species), Fabaceae (33), Euphorbiaceae (24), Moraceae (19), Rubiaceae (15), Poaceae (9), Lamiaceae (8), and three families (Amaranthaceae, Myrtaceae and Menispermaceae) having the same number of 7 species. Among 434 medicinal plant species, there are 11 threatened species including: *Aquilaria crassna*, *Madhuca pasquieri*, *Stephania brachyandra*, *Acanthopanax trifoliatum*, *Paris polyphylla*, *Markhamia stipulata*, *Codonopsis javanica*, *Asarum caudigerum*, *Melientha suavis*, *Disporopsis longifolia*, and *Tacca integrifolia*. Those taxa should be priorly considered to conserve.